

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2021/DS-PT

Ngày: 13- 12- 2021

*V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản,
Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất
và Hợp đồng mua bán nhà ở”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Đòi lại tài sản, Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng mua bán nhà ở”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1297/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Đỗ Tuấn K**, sinh năm 1960.

2/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Vĩnh B, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông K, bà T: Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Chợ G, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn Thanh P, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa Đ, xã Thạnh T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa Đ, xã Thạnh T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1948 (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa Đ, xã Thạnh T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

4/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Kiểng Phur, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn Thanh P, Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Hồ Thị N trình bày: Trước đây vợ chồng ông K, bà T và vợ chồng ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết nên ông K bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn tiền nhiều lần để làm vốn buôn bán. Cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 45.000.000đ, ngày mượn không nhớ rõ ngày nào, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 03/10/2016.

- Ngày 14/8/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 3 ngày và có để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA069457 để làm tin.

- Ngày 27/8/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 1 ngày.

- Ngày 31/8/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là vào ngày thứ sáu (02/9/2016).

- Ngày 01/9/2016, ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 100.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất 3% trong thời hạn 15 ngày.

- Ngày 05/9/2016, ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn thêm của ông Đỗ Tuấn K 50.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất 2% trong thời hạn 15 ngày.

- Ngày 13/9/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 6 ngày.

- Ngày 19/9/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vào ngày 24/9/2016.

- Ngày 24/9/2016, bà Nguyễn Thị H mượn thêm của ông Đỗ Tuấn K 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 2 ngày.

- Ngày 03/10/2016, ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T 280.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng trong thời hạn 03 tháng.

- Ngày 16/10/2016, ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 19/10/2016.

- Ngày 17/10/2016, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 2 ngày.

- Ngày 18/11/2016, ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 40.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 21/11/2016.

- Ngày 15/11/2016 bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 80.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 28/12/2016.

- Ngày 26/4/2017 bà Nguyễn Thị H mượn của Nguyễn Thị T 7.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 26/6/2017.

- Ngày 17/8/2017, bà Nguyễn Thị H mượn của ông Đỗ Tuấn K 20.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả, khi nào ông Đỗ Tuấn K có yêu cầu thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị H còn bảo lãnh cho con ruột là ông Nguyễn Thanh Sang mượn tiền 02 lần tiền của Đỗ Tuấn K để làm vốn buôn bán. Cụ thể như sau:

- Ngày 19/11/2016, ông Nguyễn Thanh Sang mượn của Đỗ Tuấn K 20.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 20/11/2016.

- Ngày 27/11/2016, ông Nguyễn Thanh Sang mượn của Đỗ Tuấn K 30.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả 28/11/2016.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị H bảo lãnh cho Nguyễn Thanh Sang mượn của Đỗ Tuấn K là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đến nay đã quá thời hạn trả

nhưng ông Nguyễn Thanh Sang không trả cho Đỗ Tuấn K cho nên ông Đỗ Tuấn K yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tuấn K.

Tất cả số nợ trên đều có làm biên nhận vay tiền.

Do đó ông Đỗ Tuấn K và bà Đỗ Thị T yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn Thanh P cùng vợ là bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền vốn là 705.000.000đ (Bảy trăm lẻ năm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn Thanh P cùng vợ là bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T số tiền vốn là 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thay ông Nguyễn Thanh Sang trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Về tài liệu chứng cứ cung cấp: Ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T đưa ra các bản chính biên nhận vay tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T: Bà thừa nhận có vay tiền của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T từ năm 2016. Bà vay nhiều lần nên không nhớ rõ số lần cụ thể. Bà H vay cứ 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 100.000 đồng/ngày. Mỗi lần vay xong vài ngày sau bà H trả, nhưng bà không lấy giấy nợ về. Sau đó bà lại vay T, vay hết lần này đến lần khác, mỗi lần vay bà và ông K, bà T đều có làm biên nhận nợ. Thời gian mỗi lần vay rồi trả chỉ vài ngày vì vợ chồng bà buôn bán hột gà, hột vịt cần tiền vốn để xoay sở cho công việc làm ăn của vợ chồng ông bà. Nếu như bà vay mà không trả thì tại sao vợ chồng ông K, bà T cho bà vay hết lần này đến lần khác mà không đòi. Thực tế con bà là Nguyễn Thanh Sang không có vay tiền của ông K mà là bà vay, bà T bắt buộc Sang ký tên mới cho bà vay. Hiện tại bà còn nợ bà T vài trăm triệu, hai bên cũng thương lượng xong hết rồi. Các biên nhận phía bà T, ông K cung cấp bà thừa nhận có ký tên, nhưng bà đã trả nợ xong, do ở quê không biết nên không có lấy biên nhận về. Bà không đồng ý trả nợ cho ông K, bà T. Ngoài ra, bà không có cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh bà đã trả xong nợ cho ông K, bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh T: Bà có vay của anh T số tiền 400.000.000đ, lãi 30%/tháng, sau đó bà T làm đơn khởi kiện bà nên giữa bà và anh T thỏa thuận bà viết giấy nợ nhiều lên để giữ lại nhà đất cho bà. Bà tin lời anh T nên có ký vào Giấy hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2020 với số tiền 800.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Sau đó, bà và anh T T tục ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ để chuyển nhượng thửa đất cùng với nhà trên đất thuộc thửa 2209, tờ bản đồ số 3, diện

tích 737,1m², tại ấp Thạnh Hòa Đông, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00660 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H với số tiền 550.000.000đ. Thực tế bà chỉ có nợ anh T số tiền vay là 400.000.000đ. Chị xin trả nợ dần cho anh T với số tiền thực tế đã vay. Hiện nay, ông P và bà cùng các con vẫn còn đang sống trong căn nhà thuộc thửa đất 2209. Ngoài ra, bà cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình về yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà thừa nhận bà và ông P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, vẫn đang chung sống với nhau, ông bà làm nghề ấp gà vịt, số tiền mà bà vay mượn của các chủ nợ thì bà dùng một số vào việc trả nợ chung của vợ chồng, một số thì bà dùng vào việc làm ăn chung của bà và ông P là mua bán hột gà, hột vịt. Tuy nhiên, ông P không biết số nợ mà bà vay của ông K, bà T cũng như anh T vì mọi việc liên quan đến tiền bạc đều do một mình bà tự xoay sở, ông P chỉ biết việc mua bán hột gà, hột vịt, còn tiền đâu mà có thì bà không nói cho ông P biết, cũng như ông P cũng không biết gì về tiền. Cách đây ít ngày, bà bỏ nhà đi do giữa bà và ông P cãi nhau về tiền bạc nhưng tiền vay của người khác, không phải tiền vay của bà T, ông K, anh T vì ông P không biết các số nợ này. Bà H cũng không yêu cầu anh T phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bà H không trình bày gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu khởi kiện độc lập anh Nguyễn Văn T trình bày:

Trước đây, anh có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn Xanh thay mặt anh tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng hiện nay anh tự mình tham gia tố tụng, không ủy quyền cho ông Xanh nữa. Anh và bà H không có quen biết gì hết, có người chỉ bà H đến nhà gặp anh để vay tiền làm ăn. Ban đầu bà H vay của anh số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không làm giấy tờ, bà H cũng không đóng lãi gì cho anh. Khoảng hai tháng sau bà H xuống năn nỉ anh mượn thêm 400.000.000 đồng nữa. Khi đó anh mới nói nếu mượn thêm thì bà H phải làm giấy nợ và hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho anh, nếu sau này bà H không đóng lãi nữa hoặc không trả tiền được thì coi như anh sẽ lấy toàn bộ nhà đất nên bà H có ký vào Giấy hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2020 với số tiền 800.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. T sau đó, ngày 09/6/2020, bà và anh T T tục ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ để chuyển nhượng thửa đất cùng với nhà trên đất thuộc thửa 2209, tờ bản đồ số 3, diện tích 737,1m², tại ấp Thạnh Hòa Đông, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00660 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H. Do ông P

đã ủy quyền cho bà H được quyền quản lý, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho...theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2015 tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ, thời hạn ủy quyền là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Ngoài ra, nhà trên đất của bà H do không được cấp giấy nên không thể tiến hành công chứng được nên anh T có làm một giấy tay ngày 09/6/2020 với nội dung là bà H đã chuyển nhượng nhà, đất với số tiền 550.000.000đ, bà H còn nợ lại 250.000.000đ. Từ trước đến nay bà H không đóng lãi tháng nào vì bà H nói nếu bà không đóng lãi thì anh cứ lấy nhà đất của bà bán cho người khác để thu hồi vốn, việc này anh và bà H thỏa thuận bằng miệng chứ không có giấy tờ gì hết. Anh không biết là việc vay tiền và chuyển nhượng nhà đất này thì chồng bà H là ông P có biết hay không vì ông P đã làm hợp đồng ủy quyền cho bà H định đoạt phần nhà đất. Còn việc vay tiền bà H nói cần vốn làm lò ấp gà vịt nên anh thấy đây là việc làm ăn chung của ông P, bà H nên anh yêu cầu ông, bà phải có nghĩa vụ liên đới chuyển nhượng thửa đất 2209, tờ bản đồ số 3, diện tích 737,1m², đất tại ấp Thạnh Hòa Đông, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và trả số tiền vay 250.000.000 đồng cho anh. Anh đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên, giấy hợp đồng vay mượn tài sản ngày 12/02/2020, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất ngày 09/6/2020 (bản đánh máy không có công chứng) và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/6/2020 tại Văn phòng Công chứng Phú Mỹ. Hiện nay, anh T chưa nhận nhà đất, gia đình chị H còn đang sống trong nhà đất đang tranh chấp. Việc chuyển nhượng đất đai, nhà cửa giữa anh và bà H mới dừng lại Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng, anh chưa được làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh còn đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P và bà H. Trường hợp nếu Tòa án không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà trên đất giữa anh và bà H đã ký kết thì anh yêu cầu bà H và ông P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 550.000.000đ, không yêu cầu bồi thường gì. Tổng cộng tiền chuyển nhượng nhà đất và vay là 800.000.000đ, trả 01 lần, không tính lãi suất.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh P vắng mặt không có lý do dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Sang vắng mặt không có lý do dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Mai có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Sơn thống nhất trình bày:

- Bà Mai và ông Sơn là cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Thanh P, còn bà H là con dâu. Ông bà có cho thửa đất 2209 cho ông P và bà H, trên đất bà có trồng

mấy cây dừa. Trong vụ kiện này ông bà không yêu cầu bồi thường gì, ông bà để cho ông P và bà H tự quyết định. Ngoài thửa đất này ông bà cũng cho biết là ông P và bà H không còn phần đất nào khác. Ngoài ra, ông bà không trình bày ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 26, 35, 39, 68, 228, 235, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166, 463, 500, 123, 131, Điều 357, khoản 2 Điều 468, 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật nhà ở năm 2014; Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền 705.000.000đ (Bảy trăm lẻ năm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Thanh P thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Hoàng Kha và Hợp đồng mua bán nhà ở lập bằng giấy tay ngày 09/6/2020.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Hoàng Kha và Hợp đồng mua bán nhà ở lập bằng giấy tay ngày 09/6/2020 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00660 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H.

4. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay.

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Thực hiện việc trả tiền, trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/6/2021 bị đơn Nguyễn Văn Thanh P, Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung sửa toàn bộ nội dung án sơ thẩm số 107/20121/DS – ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K, bà Nguyễn Thị T, chỉ đồng ý trả cho ông T 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, tất cả các biên nhận thì bị đơn đều thừa nhận ký tên. Bà H cho rằng đã trả rồi nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, nguyên đơn thì không thừa nhận, nên án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ; Xét kháng cáo của bà H đối với yêu cầu độc lập của ông T. Bà H cho rằng chỉ nợ ông T số tiền 400.000.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà H với ông T vô hiệu là đúng pháp luật, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà H. Qua kiểm sát bản án sơ thẩm thấy rằng, bản án sơ thẩm tuyên phần quyết định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Hoàng Kha chứng thực là không chính xác, đề nghị Tòa án phúc thẩm điều chỉnh lại tên Văn Phòng công chứng Phú Mỹ mới chính xác; Về phần án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P có nghĩa vụ liên đới nộp 65.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng với quy định của pháp luật, bởi vì:

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K, bà T số tiền vay là 1.042.000.000 đồng. Như vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông P và bà H phải chịu theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án như sau:

Đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch từ 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức thu: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 7.260.000 đồng (3% của 242.000.000 đồng) = 43.260.000 đồng.

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 550.000.000 đồng do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập

ngày 09/6/2020 vô hiệu. Như vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông P và bà H phải chịu theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án như sau:

Đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch từ 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, mức thu như sau: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 400.000.000 đồng) = 20.000.000 đồng + 6.000.000 đồng (4% của 150.000.000 đồng) = 26.000.000 đồng.

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vay 250.000.000 đồng. Như vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông P và bà H phải chịu là 12.500.000 đồng (5% của giá trị tài sản có tranh chấp).

Như vậy trong vụ án này thì ông P và bà H phải có nghĩa vụ liên đới nộp 81.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án án sơ thẩm về phần án phí.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Đòi lại tài sản, Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng mua bán nhà ở*” là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Đối với bị đơn Nguyễn Văn Thanh P có kháng cáo bản án sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho anh P nhiều lần để dự phiên tòa phúc thẩm nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền kháng cáo. Tòa án phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông P theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm Nguyễn Thanh Sang, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Mai đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Thị T là vợ chồng cùng khởi kiện vợ chồng bị đơn Nguyễn Văn Thanh P và Nguyễn Thị H phải trả nợ vay tổng cộng là 1.042.000.000 đồng. Nguyên đơn chứng minh bằng 18 tờ biên nhận vay tiền có chữ ký vay tiền của bà H (14 tờ biên nhận), anh P – chồng chị H (02 tờ biên nhận) và Sang - con của bị đơn (02 tờ biên nhận). Bị đơn H cho rằng số tiền mượn và chữ ký trong các biên nhận mượn tiền là đúng nhưng đã trả rồi, không có lấy lại giấy mượn nợ, đồng thời bà H thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng do Sang ký biên nhận vay tiền là do bà H vay số tiền này. Anh P và anh Sang vắng

mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn kháng cáo không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Thị T.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu vợ chồng bà H, ông P phải thực hiện việc sang tên chuyển quyền thừa đất 2209, tờ bản đồ số 3, diện tích 737,1m², đất tại ấp Thanh Hòa Đông, xã Thanh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và trả số tiền vay 250.000.000 đồng cho anh. Anh đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên, giấy hợp đồng vay mượn tài sản ngày 12/02/2020, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất ngày 09/6/2020 (bản đánh máy không có công chứng) và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/6/2020 tại Văn phòng Công chứng Phú Mỹ. Hiện nay, anh T chưa nhận nhà đất, gia đình chị H còn đang sống trong nhà đất đang tranh chấp. Bà H trình bày, thực tế chỉ có vay của ông T 400.000.000đồng của ông T, nhưng do ông K, bà T khởi kiện nên mới làm hợp đồng chuyển nhượng đất với anh T, đồng thời làm giấy vay tiền của anh T là 800.000.000đồng, thỏa thuận trừ vào tiền chuyển nhượng đất 550.000.000đồng, làm giấy nợ lại 250.000.000đồng. Anh T trình bày đã giao nhận tiền với bà H xong nhưng chưa giao đất. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử, tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Phú Mỹ và Hợp đồng mua bán nhà ở lập bằng giấy tay ngày 09/6/2020 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn kháng cáo cho rằng chỉ thiếu nợ vay của anh T với số tiền 400.000.000đồng, nay chỉ đồng ý trả số tiền 400.000.000đồng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình các tờ biên nhận vay tiền (bút lục số 145-161) với tổng số tiền vay là 1.042.000.000đồng. Bị đơn thừa nhận có ký tên trong biên nhận này và có vay tiền như các tờ biên nhận thể hiện, nhưng cho rằng chỉ vay một thời gian ngắn rồi trả, vay nhiều lần trong năm, khi trả tiền thì không có lấy lại biên nhận nợ, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực tế phát sinh. Đối với bị đơn cho rằng đã trả xong nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bị đơn đã trả tiền vay. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh, nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện ngày 12/02/2020 Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có xác lập hợp đồng “V/V vay mượn tài sản bằng tiền mặt” (bút lục 84), theo nội dung văn bản thể hiện bà H có vay của anh T số tiền 800.000.000đồng, ngoài nội dung là văn bản đánh máy ký tên và điểm chỉ thì tại trang 2 của tờ biên nhận bà H còn viết tay “.. Tôi có mượn của ông T số tiền 800.000đồng (tám trăm triệu đồng)” đồng thời ký tên ghi họ tên Nguyễn Thị H. Ngày 09/6/2020 bà H và anh T tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất là nhà ở (Bút lục 86) với giá ghi trên hợp đồng là 70.000.000đồng mang ra công chứng để chứng thực, hai bên thỏa thuận giá là 550.000.000đồng, trừ vào số tiền 800.000.000đồng bà H nợ, nên Bà H còn nợ là 250.000.000đồng. Theo bà H trình bày, thực tế bà chỉ có nợ ông T số tiền 400.000.000đồng. Do bị các nguyên đơn khởi kiện nên mới viết biên nhận nợ anh T số tiền 800.000.000đồng vào giao nhà đất cho anh T để né tránh việc thi hành án đối với các nguyên đơn. Anh T thì không thừa nhận lời trình bày của bà H. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và anh T là đúng pháp luật, đồng thời buộc bà H phải trả cho anh T số tiền 550.000.000đồng (do hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và buộc bà H trả 250.000.000đồng tiền nợ vay là có căn cứ đúng pháp luật. Bà H kháng cáo cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do nguyên đơn nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và điều chỉnh tên Văn phòng công chứng Hoàng Kha thành Văn phòng công Chứng Phú Mỹ là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng việc Kiểm sát viên đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng tách phần nghĩa vụ của ông P và bà H đối với từng khoản mà bị đơn có nghĩa vụ trả tiền, sau đó mới cộng vào phần án phí mà anh P và bà H phải chịu là 81.760.000đồng phải chịu. Xét thấy, trong vụ án này ông P, bà H có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông K số

tiền 705.000.000đồng, trả cho ông K – Bà T số tiền 287.000.000đồng và trả cho ông T số tiền 800.000.000đồng (gồm 550.000.000đồng do hủy hợp đồng chuyển nhượng đất và 250.000.000đồng tiền vay). Tổng cộng nghĩa vụ mà bà H và ông P có nghĩa vụ liên đới là: 705.000.000đồng + 287.000.000đồng + 800.000.000đồng = 1.792.000.000đồng, theo qui định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội thì qui định “.. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được tòa án chấp nhận.... Người có nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo yêu cầu độc lập được tòa án chấp nhận..”. Như vậy, bà H và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận (số tiền 992.000.000đồng) và chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của người có liên quan được Tòa án chấp nhận (số tiền 800.000.000đồng), nhưng chưa có qui định hay hướng dẫn tách ra từng phần hay cộng chung lại để tính án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng căn cứ vào danh mục lệ phí, án phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội thì đối với các tranh chấp về dân sự có giá ngạch và tinh thần chung của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 thì giá trị tranh chấp càng cao mức thu án phí dân sự theo mức lũy kế giảm dần với các định mức như trên 400.000.000đồng đến 800.000.000đồng thì mức thu là 20.000.000đồng +4% của giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng, từ trên 800.000.000đồng đến 2.000.000.000đồng thì mức thu là 36.000.000đồng + 3% của giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000đồng. Do đó, tòa án sơ thẩm xác định nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm ông P, bà H liên đới chịu 65.760.000 đồng dựa trên cơ sở tính án phí số tiền 1.792.000.000đồng (bị đơn có nghĩa vụ) = 36.000.000đồng + 3%(992.000.000đồng) là phù hợp với tinh thần chung của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH là lũy kế giảm dần. Cho nên kiểm sát viên đề nghị tách ra từng nghĩa vụ để tính án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu 81.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Văn Thanh P

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công tây tỉnh Tiền Giang.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K.

- Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền 705.000.000đ (Bảy trăm lẻ năm triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tuấn K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tuấn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 287.000.000đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Thanh P thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Phú Mỹ và Hợp đồng mua bán nhà ở lập bằng giấy tay ngày 09/6/2020.

-Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Phú Mỹ và Hợp đồng mua bán nhà ở lập bằng giấy tay ngày 09/6/2020 vô hiệu.

-Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00660 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H.

6. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Thanh P và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay.

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Thực hiện việc trả tiền, trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

8. T tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây

9. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0017362 ngày 03 tháng 6 năm 2021 Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Thanh P phải chịu 65.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Nguyễn Thị T số tiền 6.056.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016574 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

